ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:2880/QĐ-UBND	*Đức Cơ, ngày 14 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xuất ngân sách huyện bổ sung cho các đơn vi

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3278/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022; Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc điều chỉnh, bổ sung phương án phân bổ ngân sách; Công văn số 2301a ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thực hiện kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xuất ngân sách huyện, số tiền: **541.836.000 đồng** (*Năm trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn đồng)*, từ nguồn dự phòng tiền lương, trợ cấp phát sinh sự nghiệp giáo dục, số tiền **271.836.000 đồng** và nguồn kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi dạy học sinh khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP bố trí tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022, **số tiền 270.000.000 đồng** bổ sung cho các đơn vị để thực hiện chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi dạy học sinh khuyết tật hòa nhập theo Nghị định số 28/2012/ NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012.

(Có biểu chi tiết đính kèm)

Điều 2. - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện lập thủ tục xuất ngân sách đúng nguồn, đúng quy định.

- Các đơn vị tiếp nhận kinh phí chi đúng mục đích và quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục và Đạo tạo, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Lưu VT-VP.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Mạnh Định

KINH PHÍ CHI TRẢ CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP ƯU ĐÃI DẠY HỌC SINH KHUYẾT TẬT THEO NGHỊ ĐỊNH 28/2012/NĐ-CP

(Kèm theo Quyết định số: 2880 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Trường	Tổng nhu cầu chi trả HKI năm học 2021-2022 (từ tháng 9 đến tháng 12/2021	Tổng nhu cầu chi trả HKII năm học 2021-2022 (từ tháng 1 đến tháng 5/2022)	Tổng nhu cầu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Tổng kinh phí đã bố trí đã bố trí tại Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	Kinh phí bố trí còn thiếu theo nhu cầu của đơn vị (làm tròn)	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	4	5	6=3-4-5	7
	Giáo dục mầm non	**0**	**18.574.572**	**18.574.572**	**1.287.493**	**0**	**17.289.000**	
1	Trường MN Họa Mi	0	4.260.034	4.260.034	468.308	0	3.792.000	
2	Trường MN 17.3	0	10.417.395	10.417.395	819.185	0	9.599.000	
3	Trường MN Hoa Cúc	0	3.897.143	3.897.143		0	3.898.000	
	Giáo dục tiểu học	**9.904.141**	**25.964.795**	**35.868.936**	**0**	**30.000.000**	**5.869.000**	
5	Trần Quốc Tuấn	9.904.141	25.964.795	35.868.936	-	30.000.000	5.869.000	
	Giáo dục THCS	**263.149.583**	**275.095.242**	**538.244.825**	**19.572.030**	**0**	**518.678.000**	
1	Trường THCS Quang Trung	36.666.872	40.511.166	77.178.038		0	77.179.000	
2	Trường THCS Nguyễn Hiền	34.942.629	38.249.371	73.192.000		0	73.192.000	
3	Trường THCS Nguyễn Trãi	34.780.042	30.053.409	64.833.451		0	64.834.000	
4	Trường PTDTBT THCS Siu Blễh	16.497.539	17.468.412	33.965.951	2.074.257	0	31.892.000	
5	Trường THCS Lê Hồng Phong	45.972.287	43.032.222	89.004.509	16.482.920	0	72.522.000	
6	Trường THCS Phan Bội Châu	14.460.367	14.807.884	29.268.251		0	29.269.000	

STT	Trường	Tổng nhu cầu chi trả HKI năm học 2021-2022 (từ tháng 9 đến tháng 12/2021	Tổng nhu cầu chi trả HKII năm học 2021-2022 (từ tháng 1 đến tháng 5/2022)	Tổng nhu cầu	Kinh phí năm trước chuyển sang	Tổng kinh phí đã bố trí đã bố trí tại Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	Kinh phí bố trí còn thiếu theo nhu cầu của đơn vị (làm tròn)	Ghi chú
7	Trường THCS Lý Tự Trọng	16.623.812	17.313.531	33.937.343		0	33.938.000	
8	Trường THCS Lê Lợi	50.509.489	58.740.646	109.250.135		0	109.251.000	
10	Trường TH&THCS Nguyễn Du	12.696.546	14.918.601	27.615.147	1.014.853	0	26.601.000	
TỔNG CỘNG		**273.053.724**	**319.634.609**	**592.688.333**	**20.859.523**	**30.000.000**	**541.836.000**	